

## TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

### QUYỂN 5

1. Truyện Tôn giả Bất-như-mật-đa, Tổ thứ hai mươi sáu ở Thiên Trúc
2. Truyện Tôn giả Bát-nhã-đa-la, Tổ thứ hai mươi bảy ở Thiên Trúc
3. Truyện Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma, Tổ thứ hai mươi tám ở Thiên Trúc

\*\*\*\*\*

#### 1. TRUYỆN TÔN GIẢ BẤT-NHƯ-MẬT-ĐA, TỔ THỨ HAI MƯƠI SÁU Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Bất-như-mật-đa vốn người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi ở nước xứ Nam Thiên Trúc. Thân phụ tên là Đức Thắng, tức là vua nước đó. Tôn giả là Thái tử của Đức Thắng. Lúc Tôn giả ra đời, trong cung có mùi hương thơm khác lạ phảng phất, gia nhân đều lấy làm kỳ lạ. Bẩm tánh Tôn giả thuần hòa sáng suốt, từ thuở thiếu thời đã sùng kính Phật sự. Mới đầu Tôn giả Bà-xá-tư-đa đến hoàng hóa tại nước đó, Tôn giả bèn lấy cơ bệnh không giữ ngôi vị Thái tử, mà nương theo cầu xin xuất gia. Được phụ vương chấp thuận, Tôn giả Bà-xá-tư-đa bèn vì độ cho xuống tóc tại trong cung, nhóm hội các thặng Tăng truyền thọ giới Cụ túc (sự việc thấy ở truyện Tôn giả Bà-xá-tư-đa). Sau đó, theo Tôn giả Bà-xá-tư-đa ra khỏi cung, Tôn giả mới được trao truyền Đại pháp nhãn tạng. Về sau, Tôn giả du phương giáo hóa, đến nước xứ Đông Ấn Độ.

Trước đó, vua nước ấy thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi tên là Kiên Cố, rất kính trọng ngoại đạo phạm chí Trường Trảo. Khi Tôn giả bào tới nước đó, đồ chúng của ngoại đạo rất lo sợ thưa cùng thấy mình rằng: “Vừa mới biết được Bất-như-mật-đa vào đất nước này, người ấy đạo phong ưu thắng, sợ rằng bọn chúng ta không thể sánh bằng. Nên trước cần tính mưu kế để dứt trừ”. Ngoại đạo bèn xin theo vua ấy dâng lên

chỗ đất cao, nhân đó ngóng trông về hướng Tây, bảo cùng vua rằng: “Ở hướng Tây có yêu khí, hẳn là có ma nào vào cảnh vực này, vua có thấy chằng?” vua đáp: “Không thấy, nhưng sự việc ra làm sao?” Ngoại đạo đáp: “Nơi quân ma đến thì nước nhà sẽ suy sụp, nhưng vì vua mà bàn tính, không gì hơn giết chết nói đi”. vua bảo: “Chưa thấy tội nó, đâu hẳn làm vậy”. Ngoại đạo lại đề cử một vị khéo giỏi về chú thuật ở trong đô chúng mà tâu cùng vua: “Người nay có pháp có khả năng kinh động đất trời, có thể dùng đó để chế ngự quân ma”. Nhưng Tôn giả đã dự biết các ngoại đạo dối bày trông thấy yêu khí, nên trước răn bảo đô chúng của mình rằng: “Ta đến trong thành này hẳn có nạn nhỏ, các người chớ kinh sợ”. Đến lúc ra mắt vua, quả nhiên cất hỏi Tôn giả rằng: “Sự lại đây làm gì?” Tôn giả đáp: “Ta lại muốn độ chúng sinh”. Lại hỏi: “Sẽ dùng lấy pháp gì và hóa độ hạng chúng sinh nào”. Tôn giả đáp: “Tùy theo loại mà dùng pháp để hóa độ nó”. Lại hỏi: “Với người có phép thuật, ông dám đánh chằng?” Tôn giả đáp: “Phật pháp của ta rất mực chân chánh, tuy là thiên ma cũng không đủ để nhiếp phục đó, sao có yêu thuật gì mà dám đương đầu ư?” Nghe lời nói đó, bọn ngoại đạo càng tức giận, dùng phép hóa làm một quả núi lớn ngưng dừng giữa hư không. Tôn giả đưa ngón tay ấn xuống đất, quả đất chuyển động, cả năm trăm ngoại đạo đều không thể tự đứng vững, núi chuyển dời đến trên đầu, bọn ngoại đạo vô cùng kinh sợ. Tôn giả lại đưa tay đè xuống đất, quả đất trở lại yên tĩnh, núi biến hóa kia cũng ẩn mất, bọn ngoại đạo đều xếp thành hàng kính lễ, sám hối tội quá, vua cũng kính tạ Tôn giả mà thưa rằng: “Tôi không biết Đại sĩ, mới đem ánh lửa đom đóm muốn tranh sáng với ánh sáng nhật nguyệt”. Khi ấy, vua bèn chuyển dời đô thành. Ngày sau thiết bày đại trai hội để lạc thành đó, cũng ửi an ngoại đạo muốn Tôn giả cùng đến dự hội. Mới đầu Tôn giả không nhận lời, từ từ quán sát thấy đất xứ thành mới ấy sắp bị vùi lấp, bèn dùng sức thần mà đến đó, vua trông thấy Tôn giả, bèn nói: “Quả nhiên Sự lại ư?” Tôn giả bảo: “Không phải ta nhận sự cúng dường mà vì muốn cứu độ nên đến đây”. vua hỏi: “Cứu gì?” Tôn giả đáp: “Đất xứ này đã là phần sở hữu của rồng, không bao lâu nữa sẽ bị vùi lấp, mọi người chuyển dời đi, hẳn sẽ bị chìm mất”. vua kính sợ, vội dậy cùng mọi người chuyển dời đi, chưa xa đến nơi cao nguyên, ngoáy trông nhìn lại thì đất nơi thành ấy quả nhiên sụp đổ thành vực sâu. vua càng kính trọng Tôn giả. Liền nghiêm sức xa giá voi ngựa thỉnh mời Tôn giả cùng trở về nơi đô thành xưa cũ. Nhân đó, vua hỏi: “Năm ngày trước tôi từng mộng thấy giữa hư không duỗi xuống một vòng vàng rủ đến nơi đất, tôi liền nâng đỡ lên,

cùng với sự việc ngày nay chẳng là điềm ứng đó ư?” Tôn giả cũng bảo vua rằng: “Xưa trước, lúc sắp đến nơi nước này, ta cũng thường mộng thấy có một trẻ nhỏ kỳ đặc mang lọng báu chạt rảo theo sau ta, đó hẳn là có bậc Thánh nhân xuất hiện nơi chốn của vua trị vì, sẽ kế thừa hoàng truyền Đại pháp”. vua hỏi: “Với nước nhỏ này há có bậc chí nhân ư?” Tôn giả bảo: “Nếu vua không khiêm nhường thì hẳn ứng đó”.

Nguyên trước tại nước đó có người con Bà-la-môn, từ thừa bé thơ đã mất hết song thân, nên sống bơ vơ phóng đạt, tự xưng tên là Anh Lạc. Khắp trong xóm làng chẳng thể lường biết là hạng người gì. Một ngày nọ Anh Lạc chợt mở lời ẩn ngữ rằng: “Chân Thánh nhân đạp đất, trong hội gặp rồng hổ”. Ngày ấy đến nơi vua lại, vua bèn tùy theo đến nơi khác. Từ đó đi ở càng chẳng thường, kịp lúc vua cùng Tôn giả cưỡi xa giá đến nơi phía Đông thành cũ. Anh Lạc đặc biệt ra nghinh đón đến kính lễ trước xa giá. Tôn giả bảo cùng vua: “Điều gọi là Thánh sĩ ở nước vua chính là người này đây vậy”. Và Tôn giả liền bảo Anh Lạc rằng: “Người nhớ việc xưa trước chăng?” Anh Lạc đáp: “Tôi nhớ xưa trước đồng trong pháp hội, Tôn giả diễn giảng Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà tôi chuyển trai kinh giáo thâm diệu, duyên đáng gặp gỡ lại, nên cùng chờ đợi đây”. Tôn giả bảo vua rằng: “Đứa trẻ này là Bồ-tát Đại Thế Chí giáng hiện làm người nối dõi dòng pháp từ ta, say này sẽ xuất sinh hai bậc Đại sĩ, người trước đến hoàng hóa ở nước xứ Nam Thiên Trúc. Người sau có duyên với xứ Chấn Đán (Trung Hoa), nhưng sau chín năm sẽ trở về nước cũ”. Tôn giả liền vì Anh Lạc mà cho xuống tóc, và bảo rằng: “Vì ngày trước tôi đàm giảng Bát Nhã còn người diễn nói kinh giáo, đến nay lại gặp gỡ, tiện nên lấy chữ Bát-nhã-đa-la mà xưng gọi tên ông.

Khi ấy Tôn giả hoàng hóa ở nước xứ Đông Thiên Trúc đã hơn sáu mươi năm, một ngày nọ bèn bảo Bát-nhã-đa-la rằng: “Đại pháp nhân tạng xưa kia Đức Như Lai trao truyền lần lượt đến đời ta. Nay ta lại trao cho ông, ông nên lưu thông hoàng truyền chớ khiến tuyệt dứt. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

*“Kho tâm địa châu tánh  
Không đầu cũng không đuôi  
Theo duyên cảm hóa vật  
Phương tiện gọi là trí”.*

Trao truyền Đại pháp xong, Tôn giả bảo vua rằng: “Nhờ ân huệ thí của nước nhà, bình an chẳng thể cảm đó, chỉ vì hóa duyên đã hết, chẳng thể còn lâu quyến luyến nhân thế, tôi sắp đi đây vậy, vua khéo

gìn giữ đó”. vua khóc than như chịu tang người thân. Tôn giả bèn ngay pháp tòa nơi cung vua hóa hình như mặt nhật, chỉ chốc lát trở lại như cũ, hiện bày mười tám thứ biến hóa, dùng lửa Tam-muội tức tự thiêu đốt, mưa đổ xá-lợi sắc màu vàng ròng. vua lại làm tháp bằng vàng để tôn thờ xá-lợi. Lúc đó tương đương đời vua Hiếu Võ Đế (Tư Mã Xương Minh 373-397) thời Đông Tấn ở Trung Hoa.

## 2. TRUYỆN TÔN GIẢ BÁT-NHÃ-ĐA-LA, TỔ THỨ HAI MƯỜI BẢY Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Bát-nhã-đa-la vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn ở nước xứ Đông Thiên Trúc. Từ thừa bé thơ đã mồ côi song thân, trở trời một mình xin ăn tự sống, rảo cùng làng xóm, người thời bấy giờ chỉ kêu gọi là đồng tử Anh Lạc. Như có người sai bảo làm lụng, Tôn giả chẳng từ nhọc mệt, không luận thẳng ngay. Hoặc có người hỏi: “Ông dòng họ gì?” (??) “Các người cùng tôi đồng dòng họ”. Hoặc có người hỏi: “Sao ông đi gấp nhanh vậy?” Tôn giả lại bảo: “Sao các người đi chậm vậy?” Mọi người đều chẳng lường biết ra làm sao. Gặp lúc vua nước đó tên là Kiên Cố cùng Tôn giả Bát-như-mật-đa đang trên xa giá trở về thành cũ, Tôn giả bèn từ phía Đông thành đi ra đến trước xa giá, tự nói bày tỏ duyên xưa trước. Từ đó vết tích Tôn giả mới hiển bày, Tôn giả Bát-như-mật-đa liền dẫn Tôn giả đến nơi cung vua, qua ngày sau vì độ cho Tôn giả xuất gia, nhóm tụ thặng Tăng truyền cho thọ giới Cụ túc. Và thể hình Tôn giả tức tỏa phát ánh sáng khác lạ. Sau đó không bao lâu, tự nhiên Tôn giả Bát-như-mật-đa đem Đại pháp nhãn tạng mà trao truyền cho, mặc tình Tôn giả du phương hoằng hóa.

Đến lúc Tôn giả đến nước xứ Nam Thiên Trúc, gặp vua nước đó tên là Hương Chí ban chiếu thiết lễ nơi nội cung, đem châu báu cúng thí Tôn giả. vua vốn có ba người con, mà chí ý mỗi người tự có pháp tu riêng. Người con cả tên là Nguyệt-tinh-đa-la khéo thích tu pháp niệm Phật Tam-muội. Người con kế tên là Công-đức-đa-la vui ưa tu phước nghiệp. Người con thứ ba tên là Bồ-đề-đa-la khéo thông hiểu Phật lý, chuyên hành pháp xuất thế. khi ấy vua Hương Chí đều bảo ra kính lễ Tôn giả. Tôn giả cho rằng cả ba người con đều khéo ưa thích Thánh thiện, trong ý muốn xét nghiệm khả năng trí tuệ xa gần ra sao, bèn đem hạt châu do vua cúng thí mà bảo mỗi người tự biện giải về đó là: “Ở đời còn có châu báu nào hơn châu báu này chăng?” Người thứ nhất, Nguyệt-tinh-đa-la đáp: “Châu báu này tối thượng, ở đời không có châu báu nào hơn châu báu này, nếu chẳng ở trong vương gia của tôi

thì không ai có được”. Người thứ hai, Công-đức-đa-la cũng nói như thế. Đến người thứ ba, Bồ-đề-đa-la đáp: “Châu báu này là vật báu ở đời, chưa đủ lấy làm tối thượng. Phàm trong các vật báu thì pháp bảo là tối thượng. Đó là ánh sáng ở thế gian, trong các thứ ánh sáng thì ánh sáng trí tuệ là tối thượng. Đó là sự tỏ rõ của thế gian, trong các thứ tỏ rõ thì sự tỏ rõ của bản tâm là tối thượng. Nhưng ánh sáng tỏ rõ của châu báu này không thể tự soi chiếu, cần nhờ ánh sáng tỏ rõ của trí tuệ mới biện rành được như vậy. Đã rõ bày đó tức biết nói là châu báu. Đã biết là hạt châu tức rõ biết tầm mức quý báu của nó. Nếu rõ biết quý báu ấy, quý báu chẳng tự quý báu. Nếu biện rành hạt châu ấy, hạt châu chẳng tự là hạt châu. Hạt châu chẳng tự là hạt châu tức cần có trí châu để biện rõ hạt châu của thế gian. Quý báu chẳng tự quý tức cần có trí báu mà rõ biết được pháp bảo. Nhưng mà bậc thầy tôi có đạo thì quý báu ấy tự hiện. Chúng sinh có đạo, tâm báu cũng vậy”. Tôn giả vui mừng với tài năng biện luận ấy, lại hỏi rằng: “Trong các vậy, vậy gì vô tướng?” Bồ-đề-đa-la đáp: “Ở trong các vật chẳng khởi vô tướng”. Lại hỏi: “Trong các vật, vật gì tối cao?” Bồ-đề-đa-la đáp: “Trong các vật, nhân ngã là tối cao”. Lại hỏi: “Trong các vật, vật gì là tối đại?” Bồ-đề-đa-la đáp: “Trong các vật, pháp tánh là tối đại”. Tôn giả bèn im lặng mừng vui, tự nhủ: “Đây là Đại pháp khí, hẳn sẽ vì nối dõi theo ta”. Sau đó, gặp lúc vua Hương Chí mắc bệnh quá lắm, luôn đưa tay sờ mò giữa khoảng không, mọi người không thể cản ngăn. Nhân đó Bồ-đề-đa-la hỏi Tôn giả rằng: “Cha tôi chuyên làm lành tạo phước, người bình thường chưa một ai có tâm như vậy, nay cảm mắc bệnh hoảng hốt, tay sờ mò giữa hư không, sợ sẽ qua đời trong trạng thái không tốt lành. Đó là tướng quả báo gì ư? Nay tôi rất ngờ vực. Nếu Tôn giả giải thích được điều ấy, tôi nguyện xin theo xuất gia”. Tôn giả bảo: “Đó là do nghiệp cảm ứng nên vậy. Nhưng mọi vật đều có nghiệp, tuy là hàng Thánh nhân Tam thừa cũng không tránh khỏi đó, chỉ là nghiệp ấy có thiện có ác vậy. Đức Phật dạy người có làm điều thiện thấu đáo, đến lúc mạng chung sẽ theo quả báo thác sinh lên cõi trời thì ánh sáng cõi trời duỗi xuống như dẫn đường lượ. Người sắp mạng chung ấy trông nhìn đó mà thần thức tùy theo đi lên. Ánh sáng ấy hoặc có năm sắc đan xen tỏa phát, bởi tiêu biểu sự dâng hưởng ấy mới vãng sinh về cõi trời. Nay phụ thân ông đưa tay sờ mò ấy cũng là biểu thị quả báo sinh lên cõi trời, cũng là hiệu nghiệm rõ ràng của sự tu tạo hiền thiện vậy, không chỉ chẳng khiến dứt mà sẽ dần hiện lớn đó, sắp có nhạc trời, các thứ hương hoa khác lạ ứng hiện. Sau đó, mọi sự đều đúng như lời Tôn giả nói. Đến lúc Hương Chí băng

hà, hai người con lớn khóc than rất lắm, chỉ một mình Bồ-đề-đa-la riêng nơi quàng tạng im lặng tĩnh tọa trọn ngày không rời khỏi. Hai người anh lấy làm quái lạ đem thưa hỏi Tôn giả, Tôn giả bảo: “Người con ấy đang nhập định sắp có chỗ quán, bảy ngày sau sẽ tự xuất định, chớ phải kinh ngạc”. Đến lúc Bồ-đề-đa-la từ thiền định dậy, nói cùng hai người anh là: “Tôi muốn quán sát phụ thân sinh về cõi nào, mà nhìn các nơi khác không trông thấy gì, chỉ thấy một mặt nhật soi chiếu khắp đất trời”. Sau khi an táng thân phụ xong, Bồ-đề-đa-la quả nhiên báo cùng hai người anh cầu xin theo Tôn giả mà xuất gia. Tôn giả biết đạo duyên đã thuận thực nên không thể cản trở Bồ-đề-đa-la, bèn vì làm thầy mới đặt gọi pháp danh.

Lâu sau, Tôn giả bèn đem giáo pháp mà giao phó, bảo rằng: “Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai lần lượt trao truyền, nay ta lại giao phó cho ông, ông hãy khéo hoằng truyền chớ khiến đứt tuyệt, hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

*“Đất tâm sinh các giống  
Nhân sự lại sinh lý  
Quả đầy Bồ-đề tròn  
Hoa nở thế giới bày”.*

Truyền Đại pháp xong, bèn ngay nơi pháp tòa, Tôn giả duỗi hai tay phải trái, mỗi tay tỏa phóng ánh sáng tốt lành năm sắc có hơn bảy mươi luồng, sau đó, vụt thân bay lên cao cách đất bằng bảy cây đa-la, dùng hóa lửa mà tự thiêu đốt, mưa đổ xá-lợi nhiều vô lượng. Bốn chúng đệ tử gom râu, cùng vua nước đó là Nguyệt Tịnh chung tảo dựng bảo tháp mà tôn thờ. Lúc đó tương đương đời vua Hiếu Võ Đế (Lưu Tuấn 545-465) thời Tiền Tống ở Trung Hoa (sau đó sáu mươi bảy năm, Bồ-đề-đạt-ma mới đến Trung hoa, nên tính ra đúng là năm Hiếu Kiến thứ nhất thời Tiền Tống, tức năm Giáp ngọ - 454 vậy).

**\* Thử luận bàn:**

Theo “Xuất Tam Tạng Ký” nói là Bất-như-mật-đa mà đây gọi là Bát-nhã-đa-la. Lại nói là Phát-nhã-mật-đa mà đây gọi là Bất-như-mật-đa. Sao có khác sai như vậy ư? Đáp: “Đây là từ Phạm âm phiên chuyển, bởi dịch thuật có sơ, hạ vậy. Nhưng, Bát-nhã-đa-la đối với chư Tổ riêng có nhiều lời sấm, mà sau có nhiều ứng nghiệm. Há chẳng dùng pháp từ đó về sau mà rất hưng thịnh ở Trung Quốc muốn có minh chí ư? Đem tâm chỉ bày Thánh nhân, chớ biết ấy xa thay!

### 3. TRUYỆN TÔN GIẢ BỒ-ĐỀ-ĐẠT-MA, TỔ THỨ HAI MƯƠI TÁM Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma vốn người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi ở nước xứ Nam Thiên Trúc. Mới đầu Tôn giả còn có tên Bồ-đề-đa-la, hay là Đạt-ma-đa-la. Thân phụ tên là Hượng Chí, là vua nước đó. Tôn giả là con thứ ba của vua. Từ thuở mới sinh, Tôn giả đã tỏ vẻ bẩm tánh cao thẳng trội vượt chẳng như đồng lớp trẻ. Các người con của vua Hượng Chí tuy sống tại gia mà đã hay thú hưởng Phật lý. Đến lúc Tôn giả Bát-nhã-đa-la vào giảng pháp nơi cung vua, Tôn giả mới được diện kiến. Sau đó trả lời câu hỏi về nghĩa của châu báu của Tôn giả Bát-nhã-đa-la, tỏ bày tài biện thanh thoát rất có lý thú, nên Tôn giả Bát-nhã-đa-la im lặng nhận cho là Đại pháp khí. Đến lúc phụ vương băng hà, Tôn giả bèn giã từ hai anh mà theo Tôn giả Bát-nhã-đa-la, cầu xin xuất gia, thưa rằng: “Tôi vốn chẳng đoái hoài ngôi vị quốc vương, muốn đem giáo pháp làm lợi ích mọi vật nên quyết chí xuất gia, nguyện xin nhủ lòng vì trí mà tiếp lấy”. Tôn giả Bát-nhã-đa-la bèn nhận tâm thành kính lễ ấy mà vì độ cho xuống tóc, bảo rằng: “Ngày trước ông nhập định là “Nhật Quang Tam-muội”. Ông đối với các pháp đã được thông lượng, nay nên lấy chữ “Bồ-đề-đạt-ma” mà đặt gọi tên ông”. Và mời các bậc Thánh tăng chứng minh cho Tôn giả thọ giới Cụ túc. Ngay khi ấy quả đất chấn động ba lần, mặt trăng xuất hiện giữa ban ngày. Sau đó không lâu, Tôn giả cũng chứng đắc đạo quả. Từ đó, dân chúng trong nước ấy theo tập tục xưng gọi Tôn giả là “Đạt-ma-đa-la” hay là “Bồ-đề vương tử”. Tôn giả bèn chuyên hầu thờ thầy suốt hơn bốn mươi năm. Sau đó Tôn giả Bát-nhã-đa-la mới đem Đại pháp nhãn tạng truyền trao mà căn dặn Tôn giả rằng: “Ông tạm hoằng hóa tại nước này. Về sau sẽ có nhân duyên lớn với nước Chấn đán (Trung Hoa) nhưng phải sau khi ta thị tịch sáu mươi bảy năm mới nên đến phương Đông hoằng hóa. Nếu ông chúng vội đến, sợ sẽ suy giảm ở ngày sau”. Tôn giả vâng nhận sự chỉ dạy ấy, lại hỏi Tôn giả Bát-nhã-đa-la rằng: “Nếu tôi đến phương Đông, ngàn năm sau tại nước đó có nạn gì chẳng? Có được bậc Đại pháp khí nào đối tôi chăng?” Tôn giả Bát-nhã-đa-la đáp: “Giáo pháp truyền đến xứ đó, người thú hưởng đến giáo pháp đông nhiều như lúa mà tre lau, không thể tính kể. Nhưng ở nước đó sau khi ta thị tịch hơn sáu mươi năm sẽ có nạn nhỏ làm vỡ số trong dòng nước, ông khéo dẹp trừ đó, và ông đến phương Nam nước ấy không nên liền ở, bởi vì thiên vương xứ ấy vừa mới ham thích hữu vi, sợ không tin ông. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

*“Đường đi giã nước lại gặp dê  
Nên tự ngâm ẩn tối qua sông  
Giữa ngày đáng thương đôi voi ngựa  
Hai gốc quế non lâu tươi tối”.*

Tôn giả lại hỏi: “Qua đó đã đi có thể được nghe chăng?” Tôn giả Bát-nhã-đà-la lại đáp: “Sau khi ta thị tịch một trăm lẻ năm năm, lại có một nạn nhỏ”. Và lại nói bài kệ tụng rằng:

*“Trong tâm tuy tốt ngoài đầu xấu  
Tăng phòng dưới dùng tên chẳng trúng  
Vì gặp rồng độc sinh con võ  
Chợt gặp chuột nhỏ lắng không cùng”.*

Tôn giả lại hỏi: “Từ đó về sau lại còn có việc gì chăng?” Tôn giả Bát-nhã-đà-la đáp: “Sau khi ta thị tịch cuối một trăm sáu mươi năm lại có nạn nhỏ bởi cha con nối nhau làm thế lực, không lâu, chỉ khoảng ba đến năm năm vậy”. Lại nói bài kệ tụng rằng:

*“Trên đường chợt gặp nơi nước sâu  
Đẳng nhìn thấy hổ lại gặp heo  
Trâu con nhỏ nhỏ tuy có sừng  
Khe xanh rồng ra đều phải thua”.*

Tôn giả lại hỏi: “điều gọi là Bồ-tát pháp thí, sau đó còn có xuất hiện chăng?” Tôn giả Bát-nhã-đà-la lại nói bài kệ tụng rằng:

*“Chấn Đán tuy rộng không khác đường  
Cần mượn cháu con dưới chân đi  
Gà vàng mở ngâm một hạt gạo  
Cúng dường mười phương La-hán Tăng”.*

Và tiếp bảo: “Sau khi ta tịch diệt ba trăm năm mới ứng điều ấy vậy”. Tôn giả lại hỏi: “Sau đó trong Phật pháp lại có người thấu rõ được ý ấy và khéo phân biệt chăng?” Tôn giả Bát-nhã-đà-la đáp: “Sau khi ta thị tịch khoảng ba trăm tám mươi năm, mới có vị Tỳ-kheo học mờ tối mà dụng sáng sửa”. Lại nói bài kệ tụng rằng:

*“Tháng tám thương tôn bay có tiếng  
Phước lớn lại lành qua chẳng kinh  
Rủ ôm một gà vào dự hội  
Tay cầm rồng rắn tại hai gian”.*

Lại nói bài kệ tụng khác rằng:

*“Gởi ông khăn chiếu tùy thời cởi  
Ở trong vẫn tự tạm hình nhỏ  
Đông hải voi về mặc áo phải*



*Hai nơi đội ân đều chẳng nhẹ”.*

Lại nói bài kệ tụng khác rằng:

*“Nhật nguyệt đều đi ông chẳng động  
Anh không mũ mào lên núi đi  
Lại cho một ngọn thêm xanh vút  
vua bảo người hay mới biết tên”.*

Và tiếp bảo: “Khí lớn đang hiện gặp mây tức lên, tôi nào phải lo ư?” Tôn giả lại hỏi: “Nhưng sau người đó lại có nạn gì chẳng?” Tôn giả Bát-nhã-đa-la đáp: “Sau khi ta tịch tích khoảng bốn trăm sáu mươi năm, gặp có một người không mặc áo muốn làm việc ma”. Lại nói bài kệ tụng rằng:

*“Non cao gặp người lại cởi áo  
Rấn nhỏ tuy độc chẳng thể làm  
Ở trong đáy giếng thấy trời gần  
Sa-di nhỏ nhỏ khéo cơ lớn”.*

Và tiếp bảo: “Ông nên ghi nhớ điều ấy sẽ nghiệm các nạn nhỏ. Có đồng tử mặc áo đen hấn khéo giải thích đó”. Tôn giả lại hỏi: “Sau đó lại còn có nạn gì chẳng?” Tôn giả Bát-nhã-đa-la đáp: “Sau khi ta diệt độ khoảng đầu sáu trăm năm, cây bất sinh sẽ làm lưu nạn, tuy là có nạn đấy khởi nhưng hai người xuất hiện mới tự yên lặng”. Lại nói bài kệ tụng rằng:

*“Sóng lớn tuy cao chẳng đủ biết  
Trăm năm cây phàm lớn cành khô  
Chim quạ bay Nam liền về Bắc  
Hai người đến Đông lại về Tây”.*

Và tiếp bảo: “Hòa thượng Bạch y nói pháp nhiều vô lượng, nếu thấy lời sấm này, về mà chẳng hưởng”. Tôn giả lại hỏi: “Sau đó có nạn gì chẳng?” Tôn giả Bát-nhã-đa-la đáp: “Sau khi ta tịch diệt khoảng hai ngàn tám trăm năm sẽ có bốn con rồng nổi dậy một nạn, nhưng không lấy làm lớn, ông nên biết đó”. Lại nói bài kệ tụng rằng:

*“Đáng thương trăng sáng riêng giữa trời  
Bốn con rồng con mỗi tự đời  
Đông Tây Nam Bắc quấy sóng chạy Mặt  
nhật lên thường chiếu chẳng cùng”.*

Lại nói bài kệ tụng rằng:

*“Sấm từ ta đây  
Eo dài chân ngắn  
Chấp tay hướng trời*

*Xoay đầu mắt bạn  
 Thân mặc áo hồng  
 Lại như lụa trắng  
 Đứng ngay trước mắt  
 Lại như không thấy  
 Khéo khéo nghĩ lường  
 Nước trong trăng hiện”.*

Tôn giả lại hỏi: “Sau đó lại còn có nạn gì chăng?” Tôn giả Bát-nhã-đa-la lại đáp: “Sau khi ta tịch diệt khoảng ba ngàn năm, sẽ có mười hai nạn, trong đó có chín nạn lớn. Đây tổng quát dùng một kệ tụng mà ghi lấy, đó là:

*“Chim lại trên nhà cao muốn nhóm  
 Mây trắng vào đất sắc lại trong  
 Trên trời rồng vàng nhật nguyệt sáng  
 Nước biển Đông dương trong chẳng trong  
 Tay bưng gốc vòng nặng lại nhẹ  
 Tuy không trông mắt chuyển rành rành  
 Chẳng đủ tai mắt khéo nhìn nghe  
 Thân thể vốn không không có hình  
 Chẳng nói chữ họ chỉ nghiệm tên  
 Ý tìm sách vở bày mở kinh  
 Miệng nói ân hạnh tâm vô tình  
 Hoặc đi hoặc lại thân chẳng dừng”.*

Lại tiếp bảo: “Về sau có các nạn, hẳn ở trong mười hai câu đây, tuy là ghi xét việc xa, chẳng chỉ một đời ông trông thấy, nhưng thật chứng đạt thiên nhãn mới có thể thấy ngay”.

Sau khi Tôn giả Bát-nhã-đa-la đã thị tịch, Tôn giả kính vâng sự chỉ dạy, tạm lưu ở nước ấy cố gắng thực hành giáo hóa. Mới đầu, Tôn giả cùng Tỳ-kheo tên là Phật Đại Tiên đều xuất sinh từ Tôn giả Bát-nhã-đa-la, nên cả hai vị mỗi vị giữ lễ Bá Trọng mà gặp gỡ, khi ấy đều hưng thịnh xiển dương giáo pháp, người thời bấy giờ rất mực tán thán xưng gọi đó là mở hai cửa cam lộ. Vừa lúc tại nước đó có vị Tăng tên là Phật Đại Thắng chia lìa pháp truyền ấy phân làm sáu tông, phân hóa đến các nơi. Trong đó: một là Hữu tướng tông; hai là Vô tướng tông; ba là Định tuệ tông; bốn là Giới hạnh tông; năm là Vô đắc tông; sáu là Tịch tĩnh tông, mà người học nương theo rất đông nhiều, đồ chúng mỗi mỗi không dưới ngàn trăm vị. Tôn giả thương vì vậy mà than thở rằng: “Trong nước nhà tuy có sáu chúng, nhưng đạo ấy đều chẳng thấu

đạt rất ráo tinh vi. Nếu ta chỉnh sửa đó, người ấy sao được giải thoát ư?” Một ngày nọ, bèn dùng sức thần mà đến trong sáu chúng. Mới đầu, Tôn giả đến nơi chúng Hữu tướng tông, hỏi rằng: “Hết thấy các tướng sao gọi là thật tướng?” Vị đứng đầu trong chúng ấy tên là Tát-bà-la đáp rằng: “Ở trong các tướng, chẳng hổ tướng các tướng, gọi đó là thật tướng”. Tôn giả lại hỏi: “Hết thấy các tướng không hổ tướng, nếu rõ thật tướng, sẽ định thế nào?” Tát-bà-la đáp: “Ở trong các tướng, thật không có định các tướng tức gọi là thật”. Tôn giả lại hỏi: “Các tướng chẳng định tức gọi là thật tướng. Nay ông chẳng định sẽ được thế nào?” Tát-bà-la đáp: “Ta nói chẳng định, chẳng định các tướng, sẽ nói các tướng, nghĩa ấy chẳng phải vậy”. Tôn giả lại hỏi: “Ông nói chẳng định sẽ là thật tướng, định chẳng định tức không phải thật tướng”. Tát-bà-la đáp: “Định đã không định tức chẳng phải thật tướng. Biết ta chẳng phải nên không định không biến, sao gọi là thật tướng? Đã biến đã đi, nghĩa ấy cũng vậy”. Đáp rằng: “Chẳng biến ngay đây chẳng nhằm, nên biến thật tướng để định nghĩa ấy”. Tôn giả lại hỏi: “Thật tướng chẳng biến, biến tức chẳng phải tướng. Ở trong có và không sai gọi là thật tướng?” Khi ấy tâm Tát-bà-la liền mờ mịt, đưa tay chỉ giữa hư không mà hỏi Tôn giả rằng: “Ở đười này, có tướng cũng hay không, ngay thân lực này được tự vậy ư?” Tôn giả bảo: “Nếu hiểu được thật tướng tức thấy chẳng phải thật, nếu rõ chẳng phải nên sắc ấy cũng vậy, ngay nơi trong sắc chẳng mất thể sắc, ở trong chẳng phải tướng không ngại đến đó. Nếu hay thấu hiểu như vậy nên gọi là thật tướng”. Tiếp theo, Tôn giả đến nơi chúng Vô tướng tông mà hỏi: “Ông nói Vô tướng, sẽ chứng thế nào đó?” Người đứng đầu trong chúng ấy tên là Ba-la-đề đến trước Tôn giả đáp rằng: “Tôi rõ Vô tướng nên tâm chẳng hiện”. Tôn giả hỏi: “Tướng ông chẳng hiện, sẽ rõ thế nào đó?” Ba-la-đề đáp: “Tôi rõ Vô tướng, tâm chẳng dám xả. Ngay lúc đang rõ cũng không người ngay đó”. Tôn giả hỏi: “Đối với có và không, tâm chẳng lấy hay bỏ, lại không người ngay đó, vậy ai rõ được không?” Ba-la-đề đáp: “Phật nhập Tam-muội còn không chỗ được, huống gì vô tướng mà cố biết đó”. Tôn giả hỏi: “Tướng đã không biết, ai bảo là có hay không? Còn không chỗ được, sai gọi là Tam-muội?” Ba-la-đề đáp: “Tôi nói chẳng chứng, chứng không chỗ được, chẳng phải Tam-muội nên tôi nói là Tam-muội”. Tôn giả hỏi: “Chẳng phải Tam-muội sẽ rõ như thế nào đó? Ông đã chẳng chứng, chẳng phải chứng chứng gì?” Khi ấy, Ba-la-đề thấu đạt diệu ngộ, vội đứng dậy kính tạ. Tôn giả liền vì dự ghi rằng: “Ông sẽ chứng quả không lâu xa nữa, nhưng trong nước nhà có ma dấy khởi, cũng do ông nhiếp

nhục đó”. Tiếp theo Tôn giả đến nơi thứ ba là Định tuệ tông mà hỏi: “Ông học Định tuệ là một hay là hai?” Người đứng đầu chúng đó tên là Bà-lan-đà đến trước Tôn giả mà đáp: “Định tuệ tôi học đây chẳng phải một chẳng phải hai”. Tôn giả hỏi: “Định tuệ của ông đã chẳng phải một hoặc hai, vì sao nhầm vào đó mà gọi là Định tuệ?” Bà-lan-đà đáp: “Tại định chẳng phải định ở tuệ chẳng phải tuệ, một tức chẳng phải một, hai tức chẳng hai”. Tôn giả hỏi: “Ngay một chẳng phải một, ngay hai chẳng phải hai. Đã chẳng phải định tuệ vậy ước định tuệ gì?” Bà-la-đề đáp: “Chẳng phải một, chẳng phải hai, định tuệ hay biết. Chẳng phải định, chẳng phải tuệ cũng có thể như vậy”. Tôn giả hỏi: “Tuệ chẳng phải định nên vậy có thể biết thay! Còn chẳng phải một, chẳng phải hai thì ai định ai tuệ ư?” Bà-lan-đà bỗng nhiên khai ngộ, kính lễ ứng phục. Tiếp theo Tôn giả đến nơi thứ tư là Giới hạnh tông mà hỏi: “Ông lấy gì làm giới, gọi là gì hạnh? Và giới hạnh ấy là một hay là hai?” Vị đứng đầu chúng ấy (mất tên) ra trước Tôn giả đáp rằng: “Một hay hai, hai hay một đều do kia sinh ra, y theo giáo mà không nhiễm, đó gọi là giới hạnh”. Tôn giả hỏi: “Ông nói “y theo giáo” tức là có nhiễm. Một hay hai đều là ở đây, sao nói là y theo giáo? Hai điều ấy trái ngược chẳng kịp đến hạnh. Trong ngoài không rõ sao gọi là giới?” Vị ấy đáp: “Ta có trong ngoài, kia vì biết hết, đã được thông đạt tức là giới hạnh, nếu nói trái ngược điều phải điều quấy. Nói hoặc tức giới tức hạnh”. Tôn giả hỏi: “Điều phải điều quấy sao gọi là thanh tịnh? Đã được thông đạt sao đàm trong ngoài?” Vị ấy bèn tự tĩnh rõ điều quấy nơi mình, kính bái sám tạ, tôn xưng may thay. Tiếp theo, Tôn giả đến nơi thứ năm là Vô đắc tông mà hỏi: “Ông nói vô đắc, không được gì được? Đã không chỗ được cũng không được được?” Người đứng đầu chúng đó tên là Bảo Tịnh đến trước Tôn giả mà đáp: “Tôi nói vô đắc, chẳng phải không được được. Đang nói được được, vô đắc cũng được”. Tôn giả hỏi: “Đã được chẳng được được cũng chẳng phải được. Đã nói được được được, được được gì?” Bảo Tịnh đáp: “Thấy được chẳng phải được, chẳng phải được là được. Nếu thấy chẳng được gọi là được được”. Tôn giả hỏi: “Được chẳng phải được, chẳng phải được không được. Đã không chỗ được, sẽ được được gì?” Khi ấy Bảo Tịnh mới tỏ rõ phát ngộ. Tiếp theo Tôn giả đến nơi thứ sáu là Tịch tĩnh tông mà hỏi: “Ông lấy gì gọi là tịch, gọi là là tĩnh?” Người đứng đầu trong chúng đó (mất tên) đến trước Tôn giả đáp rằng: “Tâm đây chẳng động thì gọi là tịch, ở nơi không nhiễm gọi đó là tĩnh”. Tôn giả hỏi: “Bản tâm chẳng tịch cần mượn tịch tịch. Nay đã được tịch sao dùng tịch tĩnh?” Vị ấy đáp: “Các pháp vốn không,

vì không không nên ở nơi không không ấy gọi tên là tịch tĩnh”. Tôn giả hỏi: “Không không vì không, các pháp cũng vậy, tịch tĩnh không tướng, gì tịch gì tĩnh?” Vị ấy cụt nghĩa, bèn cảm kính Tôn giả. Từ đó cả sáu chúng đều quy hướng tôn xưng Tôn giả làm thầy, tiếng tăm đạo phong của Tôn giả càng vang vọng khắp xa. Các hàng học giả khắp năm xứ Ấn Độ không ai chẳng ghé đến nương theo.

Sau đó gặp lúc vua nước đó tên là Dị Kiến là con của vua trước tức là Nguyệt-tĩnh-đa-la, và cũng là cháu của Tôn giả phát tin tà kiến phá hủy Phật pháp, bảo rằng: “Tổ tiên ta đều mê hoặc với Phật pháp, chẳng thành đạt chánh chân, nay ta vì vậy đâu nên giẫm bước theo”. Bèn đối với giáo pháp bày tạo hoạn nạn lớn. Tôn giả xót thương đó, bảo rằng: “Con cháu làm nhục tông xả ta mới dấy ác ý. Đây đâu phải phước nước nhà, nên vì chỉ dạy đó”. Nhân nghĩ trước kia trong Vô tướng tông có hai Hiền giả có thể bảo đến chuyển hóa vua Dị Kiến, người thứ nhất tên là Ba-la-đề, đạo lực sắp sung mãn, lại có duyên với vua. Vị thứ hai tên là Tông Thắng, tuy hay biện bác, mà đức nghiệp chưa đến mới tự cất sự sai phái, và cả sáu chúng bỗng nhiên mỗi tự nghĩ rằng: “Đại sư Đạt-ma vốn đắc Thánh trí, nay giáo pháp có mắc nạn, nên cứu đó ư?” Tôn giả liền biết mới khảy móng tay ứng đáp lại đó. Các chúng đều kinh ngạc bảo: “Đây là tin của Đại sư ta vậy”. Đang cùng đến đó, các vị đã chứng đắc thần thông mỗi vị tự dẫn nhiếp đồ chúng của mình. Chỉ khoảnh khắc đều đến xếp hàng kính lễ dưới tòa. Tôn giả bảo: “Nay vua gây nạn đến chúng ta, tuy chỉ như một mảy bụi nổi lên ngăn che cõi Phật, nhưng trong các ông ai có thể quét trừ đi?” Bỗng chốc Tông Thắng ra trước thưa: “Tôi tuy đức kém nhưng nguyện xin đến giải trừ đó”. Tôn giả bảo: “Ông tuy biện bác nhanh nhẹn nhưng đạo lực chưa thắng, sợ không thể nhiếp phục được vua”. Tông Thắng không nghe theo lời dạy ấy, hấn tự đến ra mắt vua. Mới đầu lấy hai đế chân tục cùng biện luận, lời qua tiếng lại đều không khuất phục, đến lúc vua hỏi: “Điều giải của ông hiện nay, pháp ấy ở đâu?” Tông Thắng bảo: “Như vua trị vì cảm hóa phải hợp đạo ấy. Đạo mà vua có, đạo ấy ở đâu?” vua đáp: “Đạo ta có dùng trừ tà pháp. Còn pháp ông có sẽ nhiếp phục vật gì?” Tôn giả dự biết Tông Thắng đuối lý, bảo Ba-la-đề rằng: “Tông Thắng chẳng nghe theo lời ta, nay hấn bị khuất phục nơi vua, ông nên nhanh đến đó để cứu giúp”. Ba-la-đề vâng phụng sự chỉ dạy, dùng sức thần đi nhanh, liền đến nơi điện vua. vua cùng Tông Thắng vừa mới cất chứng lại, chợt thấy Ba-la-đề cưỡi mây mà đến, vua kinh hãi đứng dậy bèn hỏi: “Kẻ vượt giữa hư không mà đến ấy là tà hay chánh?” Ba-la-đề đáp: “Ta

chẳng phải tà chánh, mà lại chính tà. Tâm vua nếu chánh, ta không tà chánh”. vua tuy ngôn từ nghĩa lý cùng vụt, mà vẫn bướng ngạo không thôi, xua đuổi Tông Thắng đến ở chốn núi rừng. Ba-la-đề bảo rằng: “vua đã có đạo cố sao xua đuổi Sa-môn? Tôi tuy không hiểu, xin vua hiện hỏi?” vua gần tiếng hỏi: “Thế nào là Phật?” Ba-la-đề đáp: “Kiến tánh là Phật”. vua hỏi: “Sư đã kiến tánh chăng?” Ba-la-đề đáp: “Ta thấy Phật tánh”. vua hỏi: “Tánh ở nơi nào?” Ba-la-đề đáp: “Tánh ở nơi tác dụng”. vua hỏi: “Ấy là tác dụng gì? Nay ta không thấy?” Ba-la-đề đáp: “Nay hiện đang dùng, tự vua chẳng thấy”. vua hỏi: “Ở nơi ta có chăng?” Ba-la-đề đáp: “Nếu tác dụng vua không có chẳng phải. Nếu vua không dùng, thể cũng khó thấy”. vua hỏi: “Nếu lúc đang dùng có mấy nơi xuất hiện?” Ba-la-đề đáp: “Hiện ở trong đời thì có tám nơi”. vua hỏi: “Tám nơi xuất hiện ấy, xing nên vì ta nói”. Ba-la-đề liền nói bài kệ tụng rằng:

*“Tại thai làm thân  
 Ở đời làm người  
 Ở mắt là thấy  
 Ở tai là nghe  
 Ở mũi ngửi hương  
 Ở miệng đàm luận  
 Ở tay cầm nắm  
 Ở chân chuyển vận”.*  
*“Biến hiện đều gần sa giới  
 Thân nhiếp tại một mây trần  
 Người biết biết là Phật tánh  
 Không biết gọi là tình hôn”.*

Qua lời nói ấy, vua tỏ ngộ, liền sám tạ lỗi quấy trước, vụt chốc đổi thay chí khí, nương theo Ba-la-đề xin được nghe pháp yếu, trải suốt ba tháng kính phụng thảo luận.

Vừa lúc Tông Thắng bị xua đuổi ở trong núi rừng mới tự cảm nghĩ rằng: “Ta tám tuổi mới đắc Chánh kiến, hai mươi năm nay lại tu hành, chỉ đến lúc gặp nạn không không thể hộ pháp, tuy nay trăm tuổi đâu làm được gì, chẳng bằng chết mất”. Bèn ném mình từ trên vực cao xuống. Bỗng chốc có thần nhân đưa cánh tay dài ra nâng đỡ, đặt để trên tảng đá, thân thể không tổn hại gì. Tông Thắng lại nói: “Ta tự tử nhục xuất gia, chẳng thể ép dẹp ý tà của vua mà hộ trì Đại pháp, chết đi hẳn là thích hợp. Thần nào lại cứu giúp khiến như thế này ư? Mong nói một lời chỉ bày nhân duyên ấy?” Thần nhân mới nói kệ tụng rằng:

*“Sư thọ được trăm tuổi  
 Tám mươi mà làm quấy  
 Vì gần bậc chí tôn  
 Huân tu mà vào đạo  
 Tuy đủ ít trí tuệ  
 Mà có nhiều dây kia  
 Thấy gặp các bậc Hiền  
 Chưa từng sinh trên kính  
 Công đức hai mươi năm  
 Tâm ấy chưa yên tĩnh  
 Thông minh mà khinh mạn  
 Nên khiến thành như thế  
 Bị vua không tôn kính  
 Mới cảm quả như vậy  
 Từ nay chớ biếng trễ  
 Không lâu thành kỳ trí  
 Các Thánh ở tại tâm  
 Như Lai cũng lại vậy”.*

Tông Thắng nghe bài kệ tụng của thần, mới tự trách, càng muốn tinh tu, thể trọn đời không ra khỏi núi.

Khi ấy vua hỏi Ba-la-đề rằng: “Tôn giả làng có trí tuệ biện tài như vậy, quả thật vốn học từ người nào?” Ba-la-đề đáp: “Bậc thầy nơi tôi cầu xin xuất gia tức là Tam tạng Pháp sư Ô-sa-bà ở chùa Bà-la. Còn bậc thầy nơi tôi đắc pháp xuất thế tức là Vương thúc Bồ-đề-đạt-ma vậy”. vua nghe xưng gọi Đạt-ma, vội kính hải bảo: “Chú của ta còn ư? Ôi! Ta chẳng ghi nhớ mong đợi, lại vọng chèn ép Thánh giáo, ương lụy đến tôn thúc”. Liền ban sắc chiếu thỉnh mời Tôn giả, sau đó Tôn giả bèn cùng kẻ sứ đến nơi cung vua, vua than khóc kính lạy không đứng dậy nổi. Tôn giả liền vì vua giảng pháp, sám hối lỗi quá. Nhân đó vua sai sứ mang chiếu đến nhanh thỉnh mời Tông Thắng. Kẻ sứ tâu: “Tông Thắng hổ thẹn bị xua đuổi nên ném mình xuống sườn núi chết đã lâu rồi”. vua càng âu lo, đem hỏi Tôn giả rằng: “Cái chết của Tông Thắng là lỗi của tôi, Tôn thúc có phương thức gì khiến tôi được khỏi tội?” Tôn giả bảo: “Tông Thắng chẳng chết, vừa đang an tọa trong hang đá. Ông chỉ đến đó tìm hẩn có được lại”. Kẻ sứ đến tìm, quả thấy gặp Tông Thắng, bèn tỏ bày ý vua đã nghinh thỉnh Đạt-ma, nhưng Tông Thắng chối từ không vâng mạng lệnh. Tôn giả biết thế, bảo cùng vua rằng: “Ấy chưa thể dậy, hẩn phải trở lại nghinh thỉnh mới đến”. Xong, Tôn giả từ biệt

vua trở về nơi ở trước, bảo cùng vua rằng: “vua càng nên tu tạo phước thiện, không bao lâu sợ có tật bệnh vậy”. Sau khi Tôn giả rời khỏi cung vua chỉ mới bảy ngày, quả nhiên vua cảm bệnh nặng, quốc y không thể chữa trị. Các hàng thân thích cận thần cho rằng lời dự ghi của Tôn giả có ứng nghiệm, trong ý cho là Tôn giả hẳn có thể cứu chữa. vua liền sai sứ khẩn thiết đến thỉnh mời. Tôn giả lại vào cung vua. Khi ấy Tông Thắng có sắc chiếu thỉnh mời cũng vừa đến. Ba-la-đề vì bệnh tật của vua cũng đến thăm hỏi. Nhân đó, hai Sa-môn thỉnh cầu Tôn giả rằng: “vua mắc bệnh đã quá lắm, có được sống hay chết? Đại sư có phương thức gì vì cứu giúp đó”. Tôn giả liền rời khỏi chỗ ngồi, đưa tay sờ thăm trên thân thể vua mà bảo cùng hai Sa-môn rằng: “Chết thì hẳn sa đọa vào đường ác”. Hai Sa-môn hỏi: “Lấy gì làm ứng nghiệm đó?” Tôn giả đáp: “Ta vừa dùng pháp Đại sư xét ngũ uẩn mà thấy vậy”. Hai Sa-môn lại hỏi: “Đại sư đạo lực ưu thắng khác thường có thể vù vua tạo phước nghiệp gì để thoát khỏi khổ ấy?” Tôn giả liền bảo Thái tử cùng các quan thân tạm giữa quyền đại xá cho các tù nhân, phóng thả các loài sinh linh. Tôn giả lại bảo đốt hương, vì sám hối tội quá cho vua. Khoảnh khắc thời gian ngắn, bệnh vua quả nhiên có phần thuyên giảm hơi rõ biết nhân sự, vua mới bảo mọi người chung quanh rằng: “Ta vừa mộng thấy một con trăn lớn rất dài, mới đầu phụng lửa bức đốt thân ta, sau đó bị một người lớn đưa tay trái nắm bắt nó đưa đến thả nơi đất trống. Liền đó ta được mát dịu, bèn được dậy vội đi ra một cửa sắt, khi ấy bèn tỉnh giấc”. Bệnh vua đã trở lại bình phục là nhờ từ Vương thúc.

Đến lúc Tôn giả dẫn dắt hoàng truyền ở nước đó đã hơn sáu mươi năm, nghĩ tuân theo lời chỉ dạy của thầy xưa trước, tính muốn đến phương Đông, nên liền dùng sức thần đến bãi từ tháp miếu của Tôn giả Bát-nhã-đa-la. Lại đến nơi cửa vách cung vua cáo biệt nhà vua. Sau đó biết đồ chúng của sáu tông nghĩ muốn đến giả biệt, Tôn giả mỗi tự đến nơi trong các chúng ấy hóa ngồi nơi tòa sen báu và đều vì giảng nói pháp để ủi an chúng. Tôn giả lại bảo cùng vua rằng: “Ta đối với nước Chấn Đán (Trung Hoa) duyên ấy đã chín, nay đến phương Đông vậy. Khéo giúp thân ông gìn giữ nước nhà”. vua khốc than mà nói: “Trời sao chẳng giúp tôi! Khiến tôn thúc tôi đi như vậy?” vua không thể lưu giữ Tôn giả, bèn vì chuẩn bị hành trong, dùng thuyền lớn để chuyên chở, phụ nhật vương cung soái các hàng thân thích thân thuộc tiễn đưa đến bờ biển. Mọi người trong nước nhà trong xem theo đó đều buồn khóc đổ lệ!

Tôn giả đến phương Đông, trải suốt ba năm, mới đầu đến Phiêu



ngung, khi ấy là ngày 21 tháng 09 năm Canh tý (520) tức năm Phổ Thông thứ nhất trong đời vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương. Hoặc có thuyết cho là Tôn giả đến trong năm Đinh mùi (527), tức là năm Phổ Thông thứ tám. Châu thứ sử Tiêu Ngang đem tấu trình (theo “Truyền đăng lục”, cựu thuyết các nhà v.v... đều nói “Đạt-ma đến đất Lương trong năm Phổ Thông thứ tám (527)”. Nay xét theo sách sử thì niên hiệu Phổ Thông chỉ có bảy năm (520-527). Chỉ nay trong thường lịch của Vương Hữu nói về số năm, hoặc có tám năm. Có thể nghi ngờ, lại đều xưng Tiêu Ngang đem việc Đạt-ma mà tấu trình, nhưng xét về truyện Tiêu Ngang thì không thấy Tiêu Ngang làm Quảng châu thứ sử. Chỉ có cháu của Tiêu Ngang là Tiêu Lệ lúc bấy giờ từng làm thứ sử tại châu ấy. Sở truyện lục xưa trước nhằm lấy Tiêu Lệ làm Tiêu Ngang, truyện lục trước là bản của quốc gia, đã là chẳng phải không hiềm tặc, nay không dám chuốc vót, tạm để lại điều nghi ấy vậy) đến kinh đô. Ngày mồng 01 tháng 11 năm đó, Tôn giả đến Kiến nghiệp, pháp giá nghinh đón vào cung, nhân đó vua Võ Đế ban sắc chiếu sắp đặt tiếp Tôn giả nơi chánh điện. vua mới hỏi: “Trẫm thường tạo dựng chùa chiền, biên tả kinh điển, độ các Tăng Ni, hẳn có công đức gì?” Tôn giả đáp: “Không có công đức”. vua hỏi: “Sao không công đức?” Tôn giả đáp: “Đó chỉ là nhân của tiểu quả hữu lậu trong trời người, như bóng theo hình, tuy có nhưng chẳng thật”. vua hỏi: “Thế nào là công đức chân thật?” Tôn giả đáp: “Tịnh trí diệu viên, thể tự không tịch, công đức như thế, chẳng thể tìm cầu nơi đời”. vua lại hỏi: “Thế nào là đệ nhất nghĩa Thánh đế?” Tôn giả đáp: “Rỗng rang không Thánh”. vua hỏi: “Người đối đáp với trẫm là ai?” Tôn giả đáp: “Không biết”. vua Võ Đế không tỏ ngộ, liền bãi hầu bỏ đi. Tôn giả biết cơ duyên ấy không khế hợp. Ngày mười chín tháng đó, Tôn giả ngậm bỏ đất Lương vượt qua sông. Ngày hai mươi ba theo hướng Bắc vào đất Ngụy. Sau đó đến Lạc ấp. Khi ấy là năm Chánh Quang thứ nhất (520) đời vua Hiếu Minh Đế Nguyên Hủ) thời Bắc Ngụy.

Mới đầu, Tôn giả dừng ở chùa Thiếu Lâm tại Trung sơn, trọn ngày im lặng ngồi xoay mặt vào vách tường, mọi người đều không lường biết biết cố sao vậy, bèn cho là “Bích Quán Bà-la-môn Tăng”. Sau đó không lâu, ở Lạc ấp có vị Sa-môn tên là Thần Quang là người thống thoảng lẫn lộn trong đời, người đời cũng cho đó là người không thể lường biết. Vừa lúc nghe Tôn giả là bậc đạo phong quý phạm tôn nghiêm, mới tự bảo: “Bậc chí nhân chánh tại ấy, ta đến mà nương tựa”. Thần Quang tuy đủ lễ thỉnh thưa mà Tôn giả im lặng chưa từng cùng

nói một lời. Nhân đó, Thần Quang có cảm nghĩa rằng: “Người xưa cầu đạo bỏ quên thân mạng mình, nay ta đâu đã có được một trong muôn phần”. Đêm đó gặp lúc tuyết lớn đổ xuống, Thần Quang đứng nơi thềm, mãi đến sáng sớm tuyết phủ quá đầu gối. Tôn giả ngoáy trông nhìn lại, bảo Thần Quang rằng: “Ông đứng trong tuyết muốn cầu việc gì?” Thần Quang khóc mà thưa: “cúi mong Hòa thượng dùng Đại bi trí mở cửa cam lộ độ khắp chúng con”. Tôn giả bảo Thần Quang: “Đối với diệu đạo Vô thượng của chư Phật, tuy trải qua nhiều đời kiếp tinh tấn chuyên cần, hay làm những việc khó làm, hay nhẫn những việc khó nhẫn, còn không thể thấu đạt, đâu chỉ chút nhọc mệt nhỏ nhoi ấy mà liền cầu Đại pháp ư?” Thần Quang nghe dạy rần như vậy mới ngậm dùng dao chặt cánh tay trái của mình đem đặt trước mặt. Tôn giả lại bảo Thần Quang rằng: “Chư Phật mới đầu cầu đạo, vì pháp quên thân mạng mình. Nay ông chặt tay trước mặt ta, tâm cầu đạo như vậy cũng có thể được vậy”. Thần Quang bèn thưa: “Tâm con chưa được an, xin thầy an cho”. Tôn giả bảo: “Đem tâm lại đây, ta an cho ông”. Thần Quang thưa: “Con tìm tâm mà trọn không thể được”. Tôn giả bảo: “Ta đã an tâm ông xong vậy”. Khi ấy Thần Quang bèn có chỗ kế ngộ. Tôn giả bèn đổi cho tên là Tuệ Khả. Về sau các hàng học giả mới itn. Các hàng Tăng tục đua nhau tìm đến nơi Tôn giả. Tiếng tăm đạo phong của Tôn giả vang vọng bèn tới tai triều đình nhà Bắc Ngụy. vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) ba lần ban sắc chiếu thỉnh mời, nhưng Tôn giả vẫn không lay động, vua càng kính trọng, liền ban sắc dâng tặng cây trich thượng hai pháp y ca-sa ma nạp, bình bát bằng vàng bạc, các vật v.v... Tôn giả đều từ chối, qua vài ba ohen nhưng vua quyết ban tặng, nên Tôn giả bèn phải nhận.

Ở tại đất Bắc Ngụy chín năm, một ngày nọ, Tôn giả chợt bảo đồ chúng rằng: “Lúc ta trở về Tây Trúc đã đến vậy. Các người hãy nói sự thấu đạt của chính mình”. Khi ấy có Đạo Phó ra trước mặt Tôn giả mà thưa: “Theo chỗ con thấy thì chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đó là dụng của đạo”. Tôn giả bảo: “Ông được phần da của ta”. Tiếp có cô Ni Tổng Trì ra thưa: “Nay theo chỗ của con thì như Tổ sư A-nan trông thấy cõi nước Đức Phật A-sơ, chỉ thấy một lần không còn thấy lại”. Tôn giả bảo: “Người được phần thịt của ta”. Tiếp có vị tên là Đạo Dục ra thưa: “Bốn đại chẳng không, năm uẩn chẳng có, theo chỗ thấy của con không một pháp có thể được, dứt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành”. Tôn giả bảo: “Ông được phần cốt của ta”. Tiếp theo, Tuệ Khả đến trước Tôn giả kính bái rồi trở về chỗ cũ mà đứng. Tôn giả bèn bảo: “Ông được phần

tủy của ta”. Sau đó, Tôn giả bảo: “Xưa kia Đức Như Lai đem Đại pháp nhân tạng trao cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, lần lượt truyền trao đến ta, nay ta đem trao cho ông, ông nên lưu truyền chớ khiến tuyệt dứt. Vắt trao cho ông pháp y Tăng-già-lê, bình bát báu này để làm pháp tín. Chỉ vì sợ đời sau cho rằng ông đối với ta là người khác xứ, không tin thầy trò trao truyền cho nhau, ông nên gìn giữ đó làm ứng nghiệm, để định tông thú. Nhưng sau khi ta đi rồi, hai trăm năm sau, u bát chấm dứt không lưu truyền, pháp cũng hưng thịnh mở mang. Người biết đạo đông nhiều mà người tu hành đạo thiếu ít. Người nói lý đông nhiều, người ngộ lý hiếm ít. Tuy nhiên, ngầm thông kín chứng có hơn ngàn muôn. Ông gắng phô bày xiển dương, chớ khinh người chưa ngộ. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

*“Ta vốn đến xứ này  
Truyền pháp cứu mê tình  
Một hoa nở năm cánh  
Kết quả tự nhiên thành”.*

Tôn giả lại bảo Tuệ Khả rằng: “Đây có bộ kinh Lăng Già bốn quyển, là pháp yếu cùng tột do Đức Phật giảng nói, cũng có thể dùng giúp cho người đời mở bày ngộ nhập, nay đều giao phó cho ông. Từ khi ta đến ở đây từng bị thuốc độc hại mà chẳng chết. Bởi vì Huyện Xích Châu Thần này tuy có khí Đại thừa mà chưa ứng hợp, nên lâu ngồi im lặng đợi chờ, nay được trao nhận tức có thủy có chung vậy”. Thế rồi, Tôn giả cùng đồ chúng đồng đến chùa Thiên Thánh ở Võ môn. Dừng ở đó, tự nhiên gặp Thái thú thành ấy là Dương Huyền Chi vốn người sùng kính Phật pháp, nghe Tôn giả đến, bèn lại kính lễ, nhân đó ông hỏi: “Ở Thiên Trúc, Sư kế thừa làm Tổ, đạo ấy như thế nào?” Tôn giả đáp: “Rõ tâm tông của Phật, không nhằm mảy may, hạnh giải tương ứng, gọi đó là Tổ”. Dương Huyền Chi tiếp hỏi: “Chỉ một nghĩa ấy hay còn có nghĩa gì khác?” Tôn giả đáp: “Phải rõ tâm người khác, biết rành xưa nay. Chẳng nhằm chán có không cũng chẳng chấp lấy. Chẳng hiền chẳng ngu, không mê không ngộ. Nếu hay rõ biết được như vậy cũng gọi là Tổ”. Dương Huyền Chi lại tiếp hỏi: “Đệ tử bị nghiệp ràng buộc ở thế tục, ít gặp được tri thức, trí kém ngăn che, không thể thấy đạo. Xin thầy chỉ dạy, con nên nương theo đạo quả gì? Dùng tâm gì để được gần với Phật tổ?” Tôn giả bèn vì nói bài kệ tụng rằng:

*“Đừng nên thấy ác mà sinh chê  
Cũng chớ thấy thiện mà riêng bày  
Cũng đừng bỏ ngu mà gần hiền*

*Cũng chớ vất mê mà đến ngộ  
Đạt đạo lớn chừ quá lượng  
Thông tâm Phật chừ chẳng kể  
Vượt thoát, gọi đó là Tổ”.*

Dương Huyền Chi được chỉ dạy, vui mừng kính lễ mà thưa: “Xin thầy chớ vội rời bỏ cuộc đời để làm phước lợi cho quần sinh”. Tôn giả bảo: “Đời mạt pháp, lắm kẻ tệ ác. Ta tuy ở lâu nơi đời, sợ chẳng ích lợi gì mà thêm hoạn nạn, khiến người khác thêm nhiều tội ác”. Dương Huyền Chi thưa: “Từ lúc thầy đến xứ này, ai thường làm hại, mong thầy chỉ người ấy để tiện xếp đặt”. Tôn giả bảo: “Nói ra hẳn có tổn hại, ta thà im lặng mà đi, đâu nhẫn hại người mà mình vui thích”. Dương Huyền Chi càng khẩn thiết thưa: “Con không dám làm tổn hại người, chỉ muốn biết đó vậy”. Chẳngặng đặng dừng, Tôn giả bèn nói bài kệ tụng rằng:

*“Mái chèo rẽ sóng ngọc  
Đuốc soi mở khóa vàng  
Năm miệng đồng cùng đi  
Chín mươi không người ta”.*

Nghe bài kệ tụng rồi, Dương Huyền Chi ghi nhớ kính lễ mà đi. Dừng ở đó không bao lâu, Tôn giả bèn an nhiên thị tịch. Lúc ấy nhằm giữa khoảng Ấu Chúa Lưu cùng Hiếu Trang Đế phế lập ở thời Hậu Ngụy. Năm đó tương đương năm Đại Thông thứ hai (528) thời Nam Lương. Sau đó an táng tại núi Hùng nhĩ. Từ đất Ngụy bèn đem việc tang lễ của Tôn giả báo cùng nhà Lương. vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương liền đưa dâng lụa báu phúng viếng, và ban sắc các hàng tông tử chư vương tế lễ mà cúng dường. Thái tử làm bài văn điếu, đại khái là: “Lớn thay! Thánh mạo Đại sư, đội trí ấn của mười lực, cưỡi sáu thông vượt biển cả, vận bi trí ở Phạm phương. Cứu diên nguy nơi Hoa độ (Trung Hoa)”.

Sau đó, có lễ sứ của Hậu Ngụy là Tống Vân từ Tây vực trở về, gặp Tôn giả tại Thông lãnh, thấy Tôn giả riêng mang chiếc giày nhanh nhẹn mà đi, Tống Vân hỏi: “Đại sư đi đâu?” Tôn giả đáp: “Trở về Thiên Trúc”. Và Tôn giả liền bảo Tống Vân rằng: “Chủ của ông đã băng hà”. Nghe thế, Tống Vân hoang mang cùng giả biệt. Khi trở về đến nơi quả nhiên Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ) đã băng hà, sau đó Tống Vân đem sự việc gặp gỡ Tôn giả tấu trình hậu chủ là Hiếu Trang Đế (Nguyên Tử Du), Hiếu Trang Đế bảo khai quật táp mộ để xét xem, thì chỉ thấy một chiếc giày cỏ hiện còn thôi. Cả triều đình vì thế mà kinh

ngạc tán thán. Sau đó, vua ban chiếu lấy chiếc giày còn để lại ấy, đưa đến tôn thờ nơi chùa Thiếu Lâm. Mãi đến trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời Đường, có người khéo giỏi việc trộm lấy đưa đến Tăng xá ở Ngũ đài, về sau cũng lại bị mất.

Mới đầu, vua Võ Đế thời Nam Lương cùng gặp Tôn giả, đã là cơ duyên chẳng hợp. Về sau nghe đạo phong của Tôn giả hưng thịnh hiển bày ở đất Ngụy, bèn muốn dựng bia ký nhưng còn chưa rảnh để làm, mãi đến khi nghe việc của Tống Vân, lại càng kính mộ, liền soạn thuật thành văn, đại khái là: “Là ngọc điệp lâu vùi, lời vàng chưa bỏ, thề truyền pháp ấn, hóa người Thiên Trúc. Kịp đến lúc chống tích tới đất Nam Lương, giảng nói pháp Vô thuyết, như bạc đước trong nhà tối, tợ trăng tỏ mở mây, tiếng tăm vang động xứ Hoa Hạ (Trung Hoa), đạo phong vượt xa xưa nay. vua cùng hoàng hậu nghe tên, khâm trọng như Hạo Nhiên”. Lại có đoạn viết: “Than ôi! Thấy đó mà chẳng thấy, gặp đó mà chẳng gặp, nay đó, xưa đó, hối đó hận đó. Trẫm tuy là một kẻ phàm phu, tiến lên ở sau Sư vậy!” Tôn giả được đế vương cảm mộ như ấy vậy.

**\* Thử luận bàn:**

Phật pháp lưu truyền đến Chấn Đán (Trung Hoa) đã qua bốn trăm tám mươi bốn năm mới đến thời Tôn giả Đạt-ma, mà giáo của Thánh nhân càng ứng nghiệm, đạo ấy càng tôn quý, nên nói là công đức của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma. Hay lại đến ở các Tôn giả Ca-diếp-ma-đăng, Trúc Pháp Lan thì gọi là gì ư? Đáp: “Giáo tuy mở giảng có cả muôn mối, cốt yếu điểm kết quy chỉ có một Niết-bàn diệu tâm mà thôi. Phàm là diệu tâm ở trong các kinh hản khiến lìa văn tự phân biệt lấy làm thấu đạt, nhưng mà đời sau chưa từng có ai có khả năng thấu đạt như thế. Mãi đến lúc Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma mới bắt đầu chẳng dùng văn tự, chẳng mở cửa nẻo, thẳng lấy đó mà truyền trao, người học mới được dùng mà thấu đạt. Đó há chẳng là càng ứng nghiệm của giáo ư? Tâm ấy đã truyền, mà trong thiên hạ biết chuyên chánh tín nói đến tánh mạng đều suy tôn đó là điều nói của Đấng Năng nhân vì đó mà thấu đạt xác đáng, há cũng chẳng là càng tôn quý của đạo ấy ư? Tôi (Khế Tung) thường lấy đó mà so sánh với Hữu Đức của Phu Mạnh Tử ở trong Nho gia. Trước Phu Mạnh Tử, giáo của Nho gia há không đạo ư? Bởi vì đạo ấy tích chứa mà chưa từng hiển trước, đến lúc Mạnh Kha chuyên việc truyền đạo thì sự càng tôn quý ở Nho gia hiển bày.

Hoặc có người nói trong “Tục Cao Tăng Truyện” cho là “Bích Quán” và “Tứ Hạnh” là đạo của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma. Ấy là phải hay

là quấy ư? Đáp: “Bích Quán Bà-la-môn (thầy Bà-la-môn ngồi quán vách tường)” xuất phát từ lời nói của hàng lưu tục. Thuyết của “Tứ Hạnh” đâu phải là đạo cùng cực của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma ư? Trong đồ chúng của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma vị rất thân gần là Tuệ Khả, tiếp theo là Đạo Phó, Đạo Dục. Xưa nay các hàng Thiên giả lưu truyền lời của Tuệ Khả v.v... đều thành sách lắm nhiều. Nhưng đầy thiên hạ mà điều nói của Tứ Hạnh cũng chưa, mới đầu thấy khái quát, riêng chỉ có lời mở đầu của Sa-môn Đàm Lâm vậy, song, Sa-môn Đàm Lâm đối với thiên gia cũng vốn không xứng. Giả sử Sa-môn Đàm Lâm thật chứng đắc từ Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma, cũng sợ rằng lúc bấy giờ Tổ sư tùy cơ duyên mà khéo dùng phương tiện nói vậy. Nếu thật đạo ấy thì sao chỉ lấy Tôn giả Tuệ Khả lẽ bái rồi trở về đứng nơi vị trí cũ mà bảo là “Ông được phần tủy của ta”. Lấy đó mà nghiệm thì lời của trong “Tứ Hạnh” chẳng phải là cùng cực của đạo ấy vậy.

Phàm đạo của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma là thiên của Phật Như Lai trong Tứ thiên vậy. Trong kinh nói: “Người quán Như Lai thiên nghĩa là như thật vào địa vị của Như Lai vào nội thân Thánh trí cùng Tam không, Tam chủng an lạc nên thành rõ ràng chỗ làm không thể nghĩ bàn nơi chúng sinh”. Nếu người Bích quán đâu có nghĩa là Truyền Phật tâm tông ư? Nhưng đạo của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đến thời nhà Tùy (581-618) nhà Đường (618-907) đã rất hiển trước hưng thịnh. Vì vậy, người hoàng truyền tự có thể kiểm hiệu cái thật mà viết nên, sao được nương theo lưu tục mà chẳng tìm cầu tông của Thánh nhân ư? Đó há nghĩa là khéo hoàng truyền ư?

Hoặc có người nói: Trong truyện cho là Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma có sáu lần bị hại bởi độc dược là do Bồ-đề-lưu-chi gây nên, phải vậy chăng? Đáp: Đó là do người viết “Bảo Lâm Truyện” vì chưa suy nghĩ mà nói vậy. Theo Dương Huyền Chi cố năn nỉ hỏi Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma bất đắc dĩ mà vì nói bài kệ tụng. Sự tình đâu có trước nói rõ mà sau phát sấm ư? Vì là người nói bởi đời sau do Bồ-đề-lưu-chi ráo thường quật luận đối với ý của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma, nên nói như thế. Giả sử khiến có ít ứng nghiệm nơi lời sấm, cũng sợ là do bè đảng của Bồ-đề-lưu-chi ở đương thời lên làm thích khách xưa trước. Có như đồ chúng của Bắc Tông mà đến ám hại Lục tổ Đại Giác (Huệ Năng), đó đâu phải là ý của Tổ sư ư? Do đó, sự việc của Bồ-đề-lưu-chi há cũng chẳng rõ bày ư? Tôi (Khế Tung) hẳn là kẻ kém hèn, mà chẳng chấp lấy đó vậy.

Hoặc có người nói: Ông cho rằng điều thầy của Đạt-ma tứ tổ (??)

ở nơi văn ký của Tam tạng Pháp sư Tăng Hựu. Nhưng Tăng Hựu tịch năm Thiên Giám thứ mười bảy (518) thời Nam Lương, mà Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma mãi đến năm Phổ Thông thứ nhất (520) thời Nam Lương mới đến đất Lương. Há có điều người ấy chưa đến mà trước đã vì viết ư? Còn không như vậy thì sao niên kỷ trước sau có sự trái ngược vậy? Đáp: Đúng thế. Thật do Tăng Hựu trước đã vì viết nên và sau đó Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma mới đến vậy. Nếu Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đặc pháp, hoàng hóa tại Thiên Trúc trải qua sáu mươi năm mới đến phương Đông. Đến phương Đông lại mất ba năm mới tới đất Lương. Nên bởi có người từ tây trúc lưu truyền việc ấy trước khi Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đến. Tăng Hựu có được lưu truyền đó bèn cho là sách. Tăng Hựu đã tiếp thừa lưu truyền ấy mà làm nên. Nên sách ấy có trước mà người đến sau vậy.

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ  
QUYỂN 5  
- (HẾT) -

-----

Thửa thiếu thời, Khế Tung tôi nghe các bậc kỳ túc nói là từng thấy trong “Tổ Đồ” xưa trước nêu dẫn “Tục Pháp Ký” của Bảo Xương ở thời nhà Lương (502-557) ghi rằng: “Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đến đất Lương lúc ấy là tháng chín năm Phổ Thông thứ nhất (520) thời Nam Lương”. Mà theo trong “Bảo Lâm Truyện” nói là đến năm Đinh mùi tức năm Phổ Thông thứ tám (527), tức ngay năm đó qua đất Ngụy, đúng là năm Thái Hòa thứ mười thời vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ). Nhưng Thái Hòa không phải là niên hiệu của vua Hiếu Minh Đế. Lại nói là Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma thị tịch cũng tại năm Thái Hòa thứ mười chín thời vua Hiếu Minh Đế, mà vua Hiếu Minh Đế ở ngôi chỉ có mười hai năm (516-528), tức không có năm thứ mười chín. Lại lấy năm Đinh mùi (527) mà suy tính, tức năm cuối của vua Hiếu Minh Đế; năm của Thần Thú (?). Năm đó vua Hiếu Minh Đế đã băng hà (??). nếu quả nhiên lấy tháng mười hai năm Đinh mùi (527) tức năm Phổ Thông thứ tám thời Nam Lương, Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma qua đất Ngụy, tức Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma ở đất Ngụy suốt chín năm ngôi im lặng tại chùa Thiếu Lâm, niên số ấy không xác đáng. Nếu lấy năm Canh tý (520) tức năm Phổ Thông thứ nhất thời Nam Lương mà suy tính tức việc ấy có phần tương đương. Nên nay đây lấy năm Phổ Thông thứ nhất tức năm Canh tý (520)

để làm chuẩn cứ, còn điều thấy của các nhà về năm Phổ Thông thứ tám tức năm Đinh mùi (527), cũng không dám cất bỏ. Tạm thời cả hai còn để đó. Các bậc thức giả rõ cho vậy. Lại về niên toán phiên dịch kinh thiên, Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma lúc ấy chính là 27 tuổi. Tôn giả giảng nói kinh thiên hẳn phải từ tuổi hai mươi bảy trở về trước theo đó tính lại để hợp với các truyện ký. Điều có nghĩa là Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đã xuất gia, sau khi đắc pháp còn nương theo hầu thầy (Tôn giả Bát-nhã-đa-la) suốt hơn bố mươi năm. Lại y theo lời căn dặn của thầy là tạm hành hóa tại Nam Thiên Trúc phải trải qua sáu mươi bảy năm. Lại nữa, đến phương Đông trên đường đi mất hai năm. Đã đến Trung Quốc, qua sau chín năm, Tôn giả mới thị tịch, vừa hợp là Tôn giả sống thọ một trăm năm mười tuổi. Như vậy thì điều ghi chép về Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma của các nhà, sự tích ở hai xứ Trung Hoa và Thiên Trúc có phần chẳng sai. Còn nếu lấy năm Phổ Thông thứ tám thời Nam Lương tức năm Đinh mùi (527) Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đến Trung Hoa, và điều ghi thuật trong “Bảo Lâm Truyện” là Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma năm 40 tuổi không nhận ngôi vị Quốc vương để chờ đợi Tôn giả Bát-nhã-đa-la mà cầu xin xuất gia. Đó tức là tính Tôn giả lúc ở Tây Trúc theo hầu thầy hơn bốn mươi năm. Kịp đến lúc tới Trung Hoa là đã một trăm năm mười tuổi. Tôn giả ở đấy Ngụy chín năm mới thị tịch, tức thành hơn một trăm sáu mươi tuổi. Nên biết theo như điều nói là Tôn giả năm bốn mươi tuổi không nhận ngôi vị Quốc vương, và năm Phổ Thông thứ tám (527) thời Nam Lương, Tôn giả đến đất Lương là rất sai nhầm, không thể lấy làm chuẩn cứ.

